

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/HS-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Thế Bình

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Hoai, ông Đặng Huy Châu và bà Trần Thị Phương Tám

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Giao - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuần và ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 81/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Hùng C (còn có tên gọi khác là Nguyễn Văn C1), sinh ngày 26 tháng 8 năm 1990, tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ F, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N; vợ là Bùi Thị G và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2008/HSST ngày 26/12/2008, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt bị cáo 02 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách là 03 năm 11 tháng 08 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bản án nêu trên đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh An Giang (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị C2, Luật sư, Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1944; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946; chị Trần Thị T1, sinh năm 1982; cháu Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1999; cháu Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm 2001; cháu

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2007; đều trú tại: tổ F, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (ông V và bà N là bố mẹ đẻ của bị hại; chị T1 là vợ của bị hại; các cháu P, Như và Đ là con của bị hại; tại phiên tòa có mặt ông V, cháu P, cháu N1 và cháu Đ, vắng mặt bà N và chị T1).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, chị T1 và các cháu P, N1 và Đ: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1944; trú tại: tổ F, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2023, có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1990; trú tại: tổ F, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (là vợ của bị cáo C1, có mặt).

Người làm chứng: anh Nguyễn Văn C3, anh Lê Văn Đ1, anh Phạm Thế H và anh Phạm Thái B (có mặt anh C3, anh H và anh B, vắng mặt anh Đ1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hùng C và anh Nguyễn Thanh T là anh em ruột của nhau, nhà cặp vách với nhau, cùng cư trú tại khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Khoảng 21 giờ ngày 26/7/2023, sau khi uống rượu về nhà, anh T cầm cây dao dài 46,4cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại chặt vào cột nhà mình và chửi chị Bùi Thị G (là vợ của C) làm nước ướm gà của anh T thì được C và ông Nguyễn Văn V (là cha ruột của C và anh T) khuyên can, đồng thời ông V cho biết gà của anh T bị nước ướm là do ông V làm và ông V có quỳ lạy xin lỗi anh T nhưng anh T vẫn tiếp tục chửi. Tức giận, C cự cãi đánh nhau với anh T thì được anh Nguyễn Văn C3 và chị G can ngăn nên C đi vào nhà. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, anh T tiếp tục chửi và cầm cây dao nêu trên đứng trước sân nhà thách thức đánh nhau với C. Tức giận nên C đi đến bàn gỗ trong nhà lấy cây kéo dài 23,5cm, cán kim loại màu vàng dài 11cm, lưỡi kim loại, mũi nhọn dài 12,5cm cầm trên tay phải chạy ra sân nhà xông vào đánh nhau với anh T. Anh T2 cầm dao chém trúng vào vùng mặt, vùng ngực, tay trái, vai trái của C nhưng chỉ gây thương tích nhẹ, còn C cầm cây kéo đâm 03 nhát trúng vào mặt trong cách tay phải, vùng ngực phải, vùng ngực trái của anh T2. Hậu quả làm anh T2 té ngã xuống đất và chết ngay sau đó. Còn C đến Công an thị trấn C đầu thú.

Tang vật thu giữ gồm: 01 cây kéo bằng kim loại dài 23,5cm (cán kéo màu vàng dài 11cm, lưỡi kéo màu trắng dài 12,5cm), khếp hai lưỡi kéo lại nơi rộng nhất 2,1cm, mỗi lưỡi kéo nơi rộng nhất 1,8cm, mũi nhọn; 01 cây kéo bằng kim loại dài 20,9cm (cán kéo dài 10,9cm, lưỡi kéo dài 10cm), khếp hai lưỡi kéo lại nơi rộng nhất 2cm, mỗi lưỡi kéo nơi rộng nhất 1,7cm, mũi nhọn; 01 lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 46,4cm, rộng nhất 05cm; 01 cán dao gỗ tròn dài 12cm, đường kính 03cm; 01 cây dao bằng kim loại, cán dao bằng kim loại và gỗ tròn tổng chiều dài 48cm, cán dao dài 14cm, lưỡi dao dài 34cm, lưỡi rộng nhất 7cm, nơi hẹp nhất 3cm; 01 túi giấy chứa gạc y tế dính vết màu nâu, ký hiệu mẫu máu của bị hại Nguyễn Thanh T.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám xét tử thi, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, khám xét tử thi phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại kết luận giám định pháp y tử thi số 59/KL-KTHS (PY-GT) ngày 31/7/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, kết luận đối với anh Nguyễn Thanh T:

1. Các kết quả chính qua giám định: Vùng ngực phải và vùng hông ngực trái có vết thương hình khe, bờ mép gọn; mổ thám sát theo các vết thương thấy:

- Vết thương vùng ngực phải: Khoang ngực phải có nhiều máu lỏng; thủng thùy giữa phổi phải từ mặt trước xuyên qua mặt sau; thủng màng ngoài tim; khoang màng ngoài tim có nhiều máu lỏng lẫn máu đông; thủng động mạch chủ lên.

- Vết thương vùng ngực trái: Khoang ngực trái có nhiều máu lỏng; thủng mặt bên thùy trên phổi trái.

2. Nguyên nhân chết: Suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do vết thương vùng ngực gây thủng phổi và thủng động mạch chủ lên.

3. Cơ chế hình thành dấu vết thương tổn thương: Các vết thương trên người của tử thi có đặc điểm phù hợp với đặc điểm tổn thương do vật sắc nhọn tạo nên.

Tại kết luận giám định số 39/KL-KLHS(SH-GT) ngày 20/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh A, kết luận:

- Vết màu nâu dính trên lưỡi cây kéo gửi giám định là máu người thuộc nhóm máu B.

- Mẫu máu của nạn nhân Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/10/1983 thuộc nhóm máu B.

- Mẫu máu của Nguyễn Hùng C, sinh ngày 26/8/1990 thuộc nhóm máu B.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị G (là vợ của bị cáo C) đã chi phí toàn bộ mai táng cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, nay ông Nguyễn Văn V (là người đại diện theo pháp luật của anh T) không yêu cầu bồi thường thêm gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Tại Cáo trạng số: 113/CT-VKS-P2 ngày 08/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố Nguyễn Hùng C về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Hùng C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hùng C vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn V trình bày sự việc đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ nhất cho bị cáo C; còn về phần trách nhiệm dân sự gia đình đã thỏa thuận và thống nhất, nay không yêu cầu bồi thường gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Bùi Thị G trình bày: sau khi sự việc xảy ra, chị G đã tự nguyện chi phí toàn bộ mai táng, thờ cúng cho anh T, tổng số tiền khoảng hơn 30.000.000 đồng, nguồn tiền này là do chị G và bị cáo C tích góp trước đó mà có. Nay không yêu cầu bị cáo C phải bồi hoàn.

Người làm chứng có mặt và vắng mặt đều khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, thay đổi một phần quyết định đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hùng C, từ truy tố theo điểm n khoản 1 Điều 123 sang khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng C từ 07 đến 09 năm tù. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 cây dao nhọn, 02 cái kéo, 01 cán dao, 01 lưỡi dao và 01 túi giấy chứa gạc y tế.

Người bào chữa của bị cáo đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Nguyễn Hùng C về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giảm nhẹ hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Hùng C nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không bào chữa bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: - Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng là anh Lê Văn Đ1 vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người đại diện

hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Do phát sinh mâu thuẫn giữa bị hại Nguyễn Thanh T với bị cáo Nguyễn Hùng C, nên khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26/7/2023, tại trước cửa nhà ở của bị cáo và bị hại, thuộc khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, bị hại T và bị cáo C đã có hành vi thách thức đánh nhau, sau đó bị hại T đã có hành vi dùng dao dài 46,4cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại chém nhiều nhát trúng vào vùng mặt, vùng ngực, tay trái và vai trái của bị cáo C nhưng chỉ gây thương tích nhẹ, còn bị cáo C đã có hành vi dùng cây kéo dài 23,5cm, cán kim loại màu vàng dài 11cm, lưỡi kim loại mũi nhọn dài 12,5cm đâm 03 nhát trúng vào mặt trong cẳng tay phải, vùng ngực phải, vùng ngực trái của bị hại T. Hậu quả làm bị hại T bị chết do suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do vết thương vùng ngực gây thủng phổi và thủng động mạch chủ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hùng C đã phạm tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nguyên nhân dẫn đến hậu quả là do phát sinh mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại, cả hai bên đều dùng hung khí nguy hiểm là dao và kéo nhằm vào vùng trọng yếu trên cơ thể của nhau để tấn công, do đó hành vi nêu trên thuộc trường hợp “giết người có nguyên do”, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Hùng C từ điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự sang khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hùng C đã phạm tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của con người; đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính và hướng thiện. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ, mục đích của tội phạm là nhằm tước bỏ tính mạng của người khác; tội phạm được thực hiện một cách quyết liệt đối với chính người thân thích của mình.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động với gia đình để thỏa thuận bồi thường, chi phí mai táng cho gia đình bị hại; quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; để sự việc xảy ra cũng có lỗi một phần của bị hại; sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, mặc dù tiền án đó đã được xóa án tích nhưng cũng chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Mặt khác, hậu quả do tội phạm gây ra là đặc biệt nghiêm trọng không thể bù đắp, khắc phục được. Do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất mức độ mà tội phạm đã gây ra nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 123 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tù có thời hạn đã nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình tố tụng các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc chi phí mai táng và bồi thường. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm gì khác, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết tiếp.

[7] Về vật chứng: Đối với 02 cây kéo, 01 cây dao, 01 cán dao bằng gỗ, 01 lưỡi dao bằng kim loại và 01 túi giấy chứa gạc y tế dính vết máu của bị hại đã thu giữ không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng C phạm tội “Giết người”.

Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng C 08 (T3) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/7/2023).

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 cây dao, 02 cây kéo, 01 cán dao làm bằng gỗ, 01 lưỡi dao bằng kim loại và 01 túi giấy chứa gạc y tế có dính vết máu nâu (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2023).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hùng C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thế Bình

